| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ XUYÊN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2023
*"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Ông Lâm Kim Mến.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà:*** Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bảo T1**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số E ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử mặt).

Bị đơn: Ông **Đào Văn H**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/01/2023 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của nguyên đơn Nguyễn Thị Bảo T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo T1 và ông Đào Văn H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, ông Đào Văn

H có tính ghen tuông vô cớ dẫn đến cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và hai người không còn sống chung như vợ chồng từ tháng 11 năm 2022 đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Đào Ngọc A sinh ngày 05/10/2020 (Nữ) đang sống cùng bà T1.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay bà Nguyễn Thị Bảo T1 yêu cầu giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Đào Văn H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Ngọc A sinh ngày 05/10/2020, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đào Văn H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; ông Đào Văn H đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự và đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn ông Đào Văn H. Về con chung giao cháu Đào Ngọc A cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đào Văn H đã được triệu tập hợp lệ theo đúng trình tự tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều

228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được ly hôn với ông Đào Văn H, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Bảo T1 và ông Đào Văn H sống chung có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 25/8/2020 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm và hai người không còn sống chung như vợ chồng từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập bị đơn đến làm việc và hòa giải nhưng bị đơn không đến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ bị đơn không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà T1 và ông H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được; hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T1.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn của nguyên đơn. Thấy rằng, cháu Đào Ngọc A sinh ngày 05/10/2020 hiện nay cháu dưới 36 tháng tuổi và đang sinh sống ổn định với bà T1. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Tuy nhiên từ khi bà T1 và ông H không còn sống chung thì giữa ông, bà không có thỏa thuận về việc nuôi con. Do đó căn cứ Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T1 về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà T1 có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, ông Đào Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Nguyễn Thị Bảo T1 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bảo T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo T1 được ly hôn với ông Đào Văn H.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Bảo T1 được trực tiếp nuôi con chung tên Đào Ngọc A sinh ngày 05/10/2020 (Nữ). Ông Đào Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đào Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bảo T1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007402 ngày 13/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà Nguyễn Thị Bảo T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trần Thị Kiều Oanh**